

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- Cho học sinh bốc thăm một trong các đoạn văn giáo viên đã chuẩn bị sẵn không có trong sách giáo khoa dài khoảng 60 - 70 chữ và đọc thành tiếng (6 điểm), trả lời một câu hỏi trong đoạn đọc đó (1 điểm).

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

MÌNH BẠN HỌC

Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị bài thì một bạn rủ đi bắn chim vì cậu ta vừa được bố mua cho một khẩu súng mới.

Khẩu súng mới, điều đó thật hấp dẫn! Nghe bạn nói, Vô-lô-đi-a đứng dậy, mở toang cửa sổ, ló đầu ra ngoài và hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng. Nhưng rồi Vô-lô-đi-a trả lời bạn vẻ luyến tiếc:

- Mình bận học rồi, không đi được.

Theo Văn học Nga

Dựa vào nội dung bài đọc khoanh tròn vào chữ cái trước ý đúng hoặc trả lời các câu hỏi:

Câu 1: (0,5 điểm) Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị học bài thì được bạn rủ đi đâu?

- A. Đi bắn chim.
- B. Đi học nhóm.
- C. Đi chơi đá bóng.

Câu 2: (0,5 điểm) Khi nghe bạn kể về khẩu súng mới, Vô-lô-đi-a đã làm gì?

- A. Chạy xuống cùng bạn khám phá khẩu súng mới.
- B. Ló đầu ra ngoài cửa sổ hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng.
- C. Mở cửa sổ ra và nhảy xuống cùng bạn để kiểm tra khẩu súng.

Câu 3: (0,5 điểm) Sau khi hỏi tí mĩ về khẩu súng, Vô-lô-đi-a đã làm gì?

- A. Đi bắn chim với bạn.
- B. Vào nhà quét nhà.
- C. Ở nhà học bài.

Câu 4: (0,5 điểm) Tại sao Vô-lô-đi-a lại không đi bắn chim cùng bạn ?

.....

.....

.....

.....

Câu 5: (1 điểm) Trong câu: "Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị bài thì một bạn rủ đi bắn chim vì cậu ta vừa được bố mua cho một khẩu súng mới." Những tiếng nào có chứa nguyên âm đôi ?

.....

.....

.....

.....

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả: (7 điểm)

Đàn gà con

Những chú gà con trông thật đáng yêu. Mình các chú vàng óng như một cuộn tơ, hai mắt đen láy, nhỏ tí xíu như hai hạt đậu.

2. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ chấm: (2 điểm)

a. **anh** hoặc **oanh**:



L.....quanh



bức tr.....

b. **ng** hoặc **ng**:



bắpô



.....é con

2. Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống: (1 điểm)

a. Lũy xanh mát. (*che/tre*)

b. Hôm nay là ngày nhật của bé. (*sinh/xinh*)

Đáp án & Thang điểm

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (7 điểm)

- GV cho HS bốc thăm và kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS.
- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc 1 điểm
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu 2 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ (không đọc sai quá 05 tiếng): 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (khoảng 50 chữ/1 phút): 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) A. Đi bắn chim.

Câu 2: (0,5 điểm) B. Ló đầu ra ngoài cửa sổ hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng.

Câu 3: (0,5 điểm) C. Ở nhà học bài.

Câu 4: (0,5 điểm) - Tại vì Vô-lô-đi-a còn phải bận học bài.

Câu 5: (1 điểm) - vừa, được, mua

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết chính tả: (7 điểm)

- GV đọc cho HS cả lớp nghe – viết đoạn văn “Đàn gà con.”
- Viết đúng kiểu chữ cái kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ.
- Viết đúng các từ ngữ.
- Tốc độ khoảng 30 chữ / 15 phút
- Tốc độ đạt yêu cầu: 2 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm



- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi) : 2 điểm

- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp : 1 điểm

2. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ trống: (2 điểm).

a. **anh** hoặc **uanh**: mỗi ý đúng được 0,5 điểm

loanh quanh bức tranh

b. **ng** hoặc **ngh**: mỗi ý đúng được 0,5 điểm

bấp ngô ghé con

2. Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống: (1 điểm); mỗi ý đúng được 0,5 điểm.

a. Lũy tre xanh mát.

b. Hôm nay là ngày sinh nhật của bé.